

NÂNG CAO NĂNG LỰC CẢM XÚC XÃ HỘI CHO SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON

Phan Thị Thúy Hằng^{1,*}, Trần Thị Hoàng Yên¹,
Phan Thị Quỳnh Trang¹, Nguyễn Thị Sương Lan²

¹Khoa Giáo dục Mầm non, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh, Nghệ An, Việt Nam

²Khoa Giáo dục Mầm non, Trường Cao đẳng Sư phạm Nghệ An, Việt Nam

ARTICLE INFORMATION TÓM TẮT

Journal: Vinh University
Journal of Science
Education Science and Technology
p-ISSN: 3030-4857
e-ISSN: 3030-4784

Volume: 53
Issue: Special
***Correspondence:**
phanthithuyhang.hs@gmail.com

Received: 28 May 2024

Accepted: 03 July 2024

Published: 20 July 2024

Citation:
Phan Thi Thuy Hang, Tran Thi
Hoang Yen, Phan Thi Quynh
Trang, Nguyen Thi Suong Lan
(2024). Improve social - emotional
capacity for students of Preschool
education major. *Vinh Uni. J. Sci.*
Vol. 53, Special Issue, pp. 319-328
doi: 0.56824/vujs.2024.htkhgd105

OPEN ACCESS

Copyright © 2024. This is an Open
Access article distributed under the
terms of the [Creative Commons
Attribution License \(CC BY NC\)](#),
which permits non-commercially to
share (copy and redistribute the
material in any medium) or adapt
(remix, transform, and build upon
the material), provided the original
work is properly cited.

Năng lực cảm xúc xã hội được xem là năng lực nền tảng để phát triển bản thân của mỗi con người, mỗi lứa tuổi. Với sinh viên ngành Giáo dục mầm non, năng lực cảm xúc xã hội không chỉ giúp sinh viên có nhiều thuận lợi trong học tập mà còn tạo điều kiện tốt để phát triển nghề nghiệp trong tương lai. Bài viết trình bày kết quả nghiên cứu thực trạng năng lực cảm xúc xã hội của 448 sinh viên năm thứ nhất ngành Giáo dục mầm non ở các tỉnh Lạng Sơn, Nghệ An, Huế và Đà Nẵng. Nghiên cứu sử dụng bảng hỏi năng lực cảm xúc xã hội do Zhou và Ee (2012) xây dựng. Kết quả cho thấy, năng lực cảm xúc xã hội của sinh viên năm thứ nhất ngành Giáo dục mầm non còn khá thấp và không đồng đều giữa các thành phần của năng lực này. Đồng thời, nghiên cứu đề xuất ba giải pháp nhằm nâng cao năng lực cảm xúc xã hội cho sinh viên.

Từ khóa: Năng lực; năng lực cảm xúc xã hội; sinh viên mầm non; giáo dục mầm non.

1. Giới thiệu

Trong suốt một thập kỉ qua, các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước rất quan tâm đến năng lực cảm xúc xã hội (CXXH) theo quan điểm của tổ chức Casel. Các nghiên cứu này cho rằng, năng lực CXXH quan trọng không kém năng lực nhận thức đối với sự thành công của người học (Webster-Stratton & Reid, 2024), đồng thời khẳng định năng lực CXXH là “mảnh ghép còn thiếu” trong giáo dục (Oberle & Schonert-Reichl, 2017). Năng lực CXXH giúp cho con người dễ dàng thích nghi với mọi hoàn cảnh, tạo cho con người phát triển lành mạnh, linh hoạt, nhanh nhạy để thích nghi với những thay đổi của thời đại (Hằng và cộng sự, 2022).

Như vậy, năng lực CXXH có vai trò quan trọng đối với mọi lứa tuổi. Với sinh viên, đặc biệt là sinh viên ngành Giáo dục mầm non, năng lực CXXH giúp sinh viên biết tôn trọng sự đa dạng, thực hiện công bằng xã hội, quan tâm đến môi trường, tạo dựng cuộc sống thân thiện ấm áp với mọi người, mọi đối tượng, bồi dưỡng lòng yêu nghề, mến trẻ, có trách nhiệm với xã hội. Đồng thời, giúp cho sinh viên - những giáo viên mầm non tương lai biết cách

chống lại các tình huống căng thẳng trong hoạt động nghề nghiệp, nâng cao sức khỏe tâm thần, góp phần tạo ra chất lượng giáo dục (Conroy và cộng sự, 2015; Aspelin, 2019). Trong mục tiêu phát triển năng lực cho giáo viên và xác định các năng lực cần thiết cho người học đến năm 2030 của mạng lưới phát triển trẻ thơ khu vực Châu Á - Thái Bình Dương (ARNEC) đã xác định, năng lực CXXH là năng lực nền tảng cho học tập suốt đời và xây dựng cuộc sống hòa bình, hạnh phúc (Collie và cộng sự, 2016). Do vậy, có thể khẳng định, muốn giáo viên mầm non tương lai có khả năng thiết lập được mối quan hệ tích cực, gặt hái được nhiều thành công trong giáo dục thì cần có năng lực CXXH tốt (Collie và cộng sự, 2016; Jennings & Greenberg, 2009).

Tuy nhiên, thực tế hiện nay, năng lực CXXH của sinh viên vẫn còn những hạn chế, nhiều sinh viên vẫn có tâm lý e ngại khi đến các trường mầm non để kiến tập, thực tập, thậm chí một số ít bỏ học giữa chừng do sợ áp lực nghề nghiệp trong tương lai. Một trong những nguyên nhân cơ bản có liên quan đến vấn đề này, là sự thiếu hụt năng lực CXXH, đó là các năng lực về tự nhận thức bản thân, năng lực kiểm soát cảm xúc (hay tự quản lý), năng lực nhận thức xã hội, năng lực quan hệ xã hội và năng lực ra quyết định có trách nhiệm. Đây chính là lý do chúng tôi lựa chọn vấn đề “*Nâng cao năng lực cảm xúc xã hội cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non*” để nghiên cứu.

2. Khách thể và phương pháp nghiên cứu

2.1. Mẫu nghiên cứu

Dữ liệu được thu thập từ 448 sinh viên năm thứ nhất ngành Giáo dục mầm non ở các tỉnh Lạng Sơn, Nghệ An, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng. 502 sinh viên đã hoàn thành các biện pháp đo lường để đánh giá mức độ năng lực CXXH. Sau khi đã loại bỏ những bảng hỏi không hợp lệ, kết quả cho thấy 448 sinh viên (chiếm 89,2%) có số phiếu hợp lệ. Đặc trưng của mẫu gồm có: (1) Độ tuổi trung bình là 18,75 tuổi; (2) Tỷ lệ sinh viên nữ là 100%; (3) Tất cả là sinh viên năm thứ nhất ngành Giáo dục mầm non.

2.2. Công cụ nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng thang đo SECQ - Social Emotional Capacity Questionnaire (Zhou & Ee, 2012) được Việt hóa từ nghiên cứu của nhóm tác giả Tú Anh và cộng sự, 2019. SECQ được chọn sử dụng do khung lý thuyết của nó phù hợp với nghiên cứu này. Thang đo gồm 25 câu hỏi được thiết kế theo thang đo Likert 6 bậc từ 1 (Không hoàn toàn đúng với tôi) đến 6 (Rất đúng với tôi). SECQ được kiểm định độ tin cậy, tính hiệu lực trên mẫu sinh viên năm thứ nhất ngành Giáo dục mầm non. Kết quả kiểm định cho thấy, SECQ có độ tin cậy cao (Cronbach’alpha là 0,88). Điều này khẳng định, SECQ đảm bảo thu thập những thông tin khách quan về kết quả nghiên cứu.

2.3. Phân tích thống kê

Ngoài việc sử dụng các phương pháp thu thập dữ liệu từ các tài liệu khác nhau, trong nghiên cứu này, phần mềm SPSS 25 được sử dụng để phân tích dữ liệu định lượng. Các thống kê mô tả được thực hiện để tính điểm trung bình, độ lệch chuẩn của tất cả các biến.

3. Một số vấn đề về năng lực CXXH

3.1. Tổng quan nghiên cứu về năng lực CXXH của sinh viên ngành Giáo dục mầm non

Trên thế giới, việc nghiên cứu năng lực CXXH của giáo viên hoặc những giáo viên tương lai là vấn đề được nhiều nhà khoa học quan tâm. Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng, giáo viên có vai trò quan trọng và cần thiết để giúp học sinh tiến bộ trong học thuật và cảm xúc xã hội (Cornelius & White, 2007; Roorde và cộng sự, 2011). Trong nghiên cứu của Aspelin (2019), tác giả cho rằng, năng lực CXXH là năng lực sư phạm quan trọng và cần thiết trong đào tạo giáo viên mầm non. Đồng thời, Aspelin (2019) đã khảo sát năng lực CXXH của 10 sinh viên ngành Giáo dục mầm non, bằng cách tổ chức cho các sinh viên xem đoạn video về các tình huống xảy ra giữa giáo viên và học sinh, yêu cầu các sinh viên đánh giá mặt CXXH của những giáo viên và học sinh này. Các em sinh viên được yêu cầu đánh giá xem, giáo viên có thể nhận thức tốt cảm xúc của học sinh hay không và đánh giá những hành động của giáo viên như thế nào trước cảm xúc đó của học sinh mình (động viên, khuyến khích học sinh hay chê bai...). Aspelin đã kết luận rằng, sinh viên mầm non hầu như không đề cập đến cảm xúc của học sinh, họ mô tả các cảm xúc của học sinh bằng những thuật ngữ mơ hồ, không liên quan đến tình huống cụ thể (Aspelin, 2019). Waajit và cộng sự cũng đã nghiên cứu về nhận thức và hiểu biết của sinh viên sư phạm mầm non về CXXH và tác động của CXXH đến việc dạy và học (Waajit và cộng sự, 2013). Nhờ phương pháp nghiên cứu định tính, nghiên cứu này bước đầu đã xác định được nhận thức của 102 sinh viên mầm non về mối quan hệ giữa năng lực CXXH và kết quả học tập của học sinh. Hầu hết đều cho rằng, CXXH và việc học tập có mối tương quan với nhau (Waajit và cộng sự, 2013). Nghiên cứu này khẳng định, việc xác định nhận thức của các giáo viên mầm non tương lai về năng lực CXXH rất quan trọng, việc xác định đúng vai trò của năng lực CXXH đối với quá trình dạy học sẽ mang lại hiệu quả cao trong quá trình chăm sóc - giáo dục trẻ. Như Jones & Bouffard (2012) nhấn mạnh, năng lực CXXH của trẻ bị ảnh hưởng trực tiếp bởi năng lực CXXH cũng như kỹ năng sư phạm của giáo viên. Vì vậy, việc tích hợp kiến thức về năng lực CXXH vào đào tạo giáo viên có thể mang lại những hiểu biết sâu sắc cho sinh viên về tác động của hành vi và cảm xúc trong học tập và dạy học trong nhà trường. Thời thơ ấu là giai đoạn quan trọng để phát triển năng lực CXXH và giáo viên là tác nhân quan trọng trong việc thúc đẩy năng lực này ở trẻ. Do đó, việc nâng cao năng lực CXXH ở giáo viên mầm non tương lai là hết sức cần thiết (Domitrovich và cộng sự, 2016; Poulou, 2017). Trong nghiên cứu của Zych & Llorent (2020), chương trình can thiệp về năng lực CXXH được đưa vào lồng ghép ở chương trình giảng dạy đại học ở Tây Ban Nha để nâng cao năng lực CXXH cho sinh viên. Nghiên cứu này thực hiện trên 126 sinh viên ngành Giáo dục mầm non của một trường Đại học ở Tây Ban Nha. Trong đó, có 94 sinh viên trong nhóm can thiệp và 32 sinh viên trong nhóm đối chứng, độ tuổi trung bình từ 20,94 tuổi đến 21,36 tuổi. Chương trình can thiệp được lấy ý tưởng từ phương pháp học tập CXXH của Elbertsm và cộng sự (2009). Chương trình này bao gồm 10 bài học về cảm xúc xã hội. Kết quả cho thấy, nhóm can thiệp đã cải thiện năng lực CXXH rõ ràng hơn ở nhóm đối chứng (Zych & Llorent, 2020).

Ở Việt Nam, việc nghiên cứu về năng lực CXXH nói chung và năng lực CXXH ở sinh viên ngành Giáo dục mầm non vẫn là vấn đề đang được quan tâm. Một số nghiên cứu ít ỏi được tìm thấy về năng lực CXXH của giáo viên mầm non trong bài viết của tác giả Phan Thị Thúy Hằng (2020) tìm hiểu về thực trạng nhận thức của 35 giáo viên mầm non

tại một trường mầm non trên địa bàn thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An cho thấy, nhận thức của giáo viên mầm non về năng lực CXXH còn ở mức độ thấp. Đồng quan điểm với nghiên cứu này, tác giả Nguyễn Thiều Dạ Hương (2021) đã nghiên cứu thực trạng nhận thức về năng lực CXXH của 25 cán bộ quản lý trường mầm non đang công tác tại một số thành phố lớn trên cả nước cho thấy, cán bộ quản lý mong có cơ hội để được kết hợp với các cấp quản lý, các nhà khoa học để bồi dưỡng năng lực CXXH cho giáo viên đầy đủ hơn.

Riêng đối với nghiên cứu về năng lực CXXH trên sinh viên ngành Giáo dục mầm non, số lượng công trình vẫn còn rất khiêm tốn. Tính đến thời điểm hiện tại, chỉ có nghiên cứu của Hoàng Thu Huyền (2023) về “*Năng lực CXXH của sinh viên ngành Giáo dục mầm non*”. Nghiên cứu này tập trung xác định khái niệm và đề xuất cấu trúc năng lực CXXH của sinh viên ngành Giáo dục mầm non.

Như vậy, qua tổng quan cho thấy, các nghiên cứu trên thế giới tập trung nghiên cứu về nhận thức của sinh viên mầm non về năng lực CXXH hoặc nghiên cứu về các chương trình phát triển năng lực CXXH cho sinh viên tại các cơ sở đào tạo. Ở Việt Nam, mới chỉ có một nghiên cứu về khái niệm và xác định cấu trúc năng lực CXXH của sinh viên ngành Giáo dục mầm non. Việc xác định mức độ năng lực CXXH của sinh viên ngành Giáo dục mầm non vẫn còn là một khoảng trống, cần có nhiều nghiên cứu thực tiễn bổ sung ở khía cạnh này. Bài viết này sẽ làm sáng tỏ vấn đề trên.

3.2. Khái niệm về năng lực CXXH

Năng lực CXXH được nhiều nhà khoa học quan tâm, nghiên cứu và đưa ra nhiều cách giải thích khác nhau. Tổng hợp một số nghiên cứu, năng lực CXXH có các cách hiểu cơ bản như sau:

Nhóm tác giả Zins và cộng sự (2004) cho rằng, năng lực CXXH là quá trình mà thông qua đó, chúng ta học cách nhận biết và quản lý cảm xúc của mình, quan tâm đến người khác, ra quyết định đúng đắn, cư xử một cách có đạo đức và trách nhiệm, phát triển những mối quan hệ tích cực và tránh những hành vi tiêu cực.

Theo quan điểm của nhóm tác giả Myles-Pallister và cộng sự (2014), trích dẫn khái niệm năng lực CXXH của Payton và cộng sự (2008), đó là quá trình đạt được kiến thức, thái độ và kỹ năng, cho phép trẻ nhận biết và ứng phó với cảm xúc của mình, làm việc có mục đích, có thể đồng cảm với người khác, thiết lập và duy trì tốt các mối quan hệ, đưa ra quyết định có trách nhiệm.

Theo tổ chức CASEL (2015), năng lực CXXH là quá trình thông qua đó trẻ em và người lớn tiếp thu, áp dụng có hiệu quả kiên thức, thái độ, kỹ năng cần thiết để hiểu và quản lý cảm xúc, đặt ra và thực hiện những mục tiêu mang tính tích cực, cảm thông và thể hiện sự đồng cảm với người khác, thiết lập và duy trì các mối quan hệ tích cực, ra quyết định có trách nhiệm.

Qua quá trình tổng hợp, chúng tôi nhận thấy rằng, các quan điểm này đều có điểm chung là:

- + Nhận biết về cảm xúc của bản thân và của người khác;
- + Quản lý cảm xúc bản thân có hiệu quả;
- + Thể hiện sự đồng cảm, chia sẻ, quan tâm người khác;
- + Thiết lập và duy trì các mối quan hệ tích cực;
- + Ra quyết định có trách nhiệm và thực hiện nhiệm vụ đến cùng.

Trong bài viết này, chúng tôi đồng tình với quan điểm về giáo dục CXXH của CASEL và sử dụng khái niệm đó làm công cụ cho bài viết.

3.3. Các thành phần của năng lực CXXH

CASEL (2020) xác định, năng lực CXXH gồm năm thành phần: (1) Tự nhận thức (xác định cảm xúc của mình, của người khác; hiểu được sự tương tác của cảm xúc, suy nghĩ và hành vi đến người khác; nhận thức đến sở thích, điểm mạnh, điểm yếu của mình, phát triển sự tự tin, tích cực). (2) Tự quản lý (là khả năng điều chỉnh sự mong muốn về cảm xúc và hành động của bản thân mình theo các tình huống khác nhau để hoàn thành mục tiêu và nguyện vọng cá nhân). (3) Nhận thức xã hội (là khả năng nhìn nhận quan điểm của người khác, đồng cảm với người khác từ nhiều hoàn cảnh, nền tảng văn hóa khác nhau để hiểu các chuẩn mực xã hội và hành vi đạo đức khác nhau, nhận ra sự hỗ trợ từ gia đình, nhà trường và các nguồn lực khác trong cộng đồng). (4) Quan hệ xã hội (là khả năng phát triển, duy trì các mối quan hệ xã hội). (5) Ra quyết định có trách nhiệm (là khả năng đưa ra những lựa chọn tôn trọng về hành vi cá nhân và tương tác xã hội dựa trên việc xem xét các tiêu chuẩn đạo đức, chuẩn mực xã hội và hạnh phúc của bản thân, của người khác).

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Tự đánh giá của sinh viên về năng lực “Tự nhận thức về bản thân”

Bảng 1: Mức độ năng lực tự nhận thức bản thân của sinh viên

TT	Năng lực tự nhận thức	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn
1	Em biết bản thân đang nghĩ gì và hành động gì	4,27	0,64
2	Em hiểu tại sao em làm như thế	3,41	0,65
3	Em hiểu tâm trạng và cảm xúc của mình	4,03	0,94
4	Em nhận ra tâm trạng bất thường của bản thân	4,44	1,26
5	Em biết những điểm mạnh và điểm yếu của mình	3,73	0,85

Kết quả cho thấy, điểm trung bình ghi nhận được dao động trong khoảng 3,41 - 4,44 điểm, nằm ở mức trên trung bình so với điểm tối đa là 6. Điều đáng chú ý là trong khi sinh viên “*nhận ra tâm trạng bất thường của mình*” thì khó khăn trong việc “*hiểu vì sao làm như thế*”. Trong năm thành phần của năng lực CXXH được khảo sát thì mức độ năng lực tự nhận thức bản thân có điểm trung bình cao nhất. Tuy nhiên, các thành phần của năng lực này mới đạt ở mức trên trung bình, tức là đạt ở mức khá cao (Bảng 1).

4.2. Tự đánh giá của sinh viên về năng lực “Tự quản lý cảm xúc bản thân”.

Bảng 2: Mức độ năng lực tự quản lý của sinh viên

TT	Năng lực tự quản lý	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn
1	Có khả năng giữ bình tĩnh trong các tình huống căng thẳng	2,37	0,81
2	Khi bức tức với ai đó, em chờ đến khi bình tĩnh trở lại rồi mới thảo luận về vấn đề đó	2,11	0,56
3	Giữ bình tĩnh và vượt qua nỗi lo âu khi hoàn cảnh thay đổi hoặc đứng trước hoàn cảnh mới	1,59	0,49

TT	Năng lực tự quản lý	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn
4	Giữ bình tĩnh khi mọi thứ trở nên tồi tệ	1,72	0,44
5	Có thể kiểm soát được cảm xúc khi có điều xấu xảy ra	1,84	0,64

Kết quả ở Bảng 2 cho thấy, điểm trung bình năng lực tự quản lý của sinh viên không cao, dao động từ 1,53-2,37 điểm. Điều đó chứng tỏ, sinh viên vẫn khó khăn kiểm soát cảm xúc của bản thân. Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Trần Thị Thu Thảo (2024), nhận thức của sinh viên về kỹ năng quản lý cảm xúc còn thấp, các nội dung về kỹ năng quản lý cảm xúc chưa được rèn luyện thường xuyên.

Năng lực tự quản lý là năng lực quan trọng trong quá trình chăm sóc - giáo dục trẻ. Bởi vì, năng lực này giúp cho giáo viên kiểm soát cảm xúc của mình trước các tình huống “bất thường” ở trẻ như: quấy khóc, bướng bỉnh, ương ngạnh, ăn vạ, khó bảo...

4.3. Tự đánh giá của sinh viên về năng lực “Nhận thức xã hội”

Kết quả thu được ở Bảng 3 cho thấy, mức độ tự đánh giá năng lực nhận thức xã hội của sinh viên cũng ở mức khá thấp với điểm trung bình dao động từ 1,82-2,82 điểm. Năng lực tự nhận thức là năng lực quan trọng để giáo viên có thể nhận thức được cảm xúc, hành vi của trẻ. Điều đó giúp kịp thời động viên, an ủi hay khen ngợi để trẻ có cảm giác được chia sẻ, được quan tâm, giúp trẻ có nhiều động cơ, niềm tin thôi thúc trẻ đi học.

Bảng 3. Mức độ năng lực nhận thức xã hội của sinh viên

TT	Năng lực nhận thức xã hội	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn
1	Dễ dàng hiểu được vì sao người khác có cảm xúc như vậy	2,03	0,82
2	Nếu một người bạn lo lắng và buồn bã, em hiểu khá rõ lý do vì sao	1,82	0,93
3	Nhận biết được cảm xúc của người khác từ những biểu hiện trên khuôn mặt	2,82	0,98
4	Nếu ai đó buồn, giận dữ hoặc hạnh phúc, em tin là em biết họ đang làm gì	2,43	0,67
5	Khi bạn thể hiện sự giận dữ/lo lắng/buồn bã, em hiểu vì sao bạn lại phản ứng như vậy	2,11	0,31

4.4. Tự đánh giá của sinh viên về năng lực “Quan hệ xã hội”

Bảng 4. Mức độ năng lực quan hệ xã hội

TT	Năng lực quan hệ xã hội	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn
1	Luôn xin lỗi khi vô tình làm tổn thương ai đó	1,54	0,49
2	Cố gắng không chỉ trích người khác khi cãi nhau	1,69	0,65
3	Cố gắng không chỉ trích, chê bai người khác khi bảo vệ ý kiến của mình	2,0	0,01
4	Luôn cố gắng an ủi bạn của mình khi họ buồn	2,52	0,5
5	Luôn khoan dung với những sai lầm của người khác	1,83	0,37

Tương tự như năng lực tự quản lý, năng lực nhận thức xã hội thì năng lực quan hệ xã hội cũng được đánh giá khá thấp với điểm trung bình dao động từ 1,54-2,52 điểm. Sinh viên khó khăn trong việc “không chỉ trích người khác khi cãi nhau” và “luôn xin lỗi khi vô tình làm tổn thương ai đó”.

4.5. Tự đánh giá của sinh viên về năng lực “Ra quyết định có trách nhiệm”

Bảng 5: Mức độ năng lực ra quyết định có trách nhiệm

TT	Năng lực ra quyết định có trách nhiệm	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn
1	Khi đưa ra quyết định, em cân nhắc liệu hành động của mình có gây ra hậu quả gì xấu cho người khác hay tập thể không	2,38	0,48
2	Cân nhắc đến lợi ích của người khác trước khi đưa ra một đề nghị	2,62	0,49
3	Xem xét thuận lợi và khó khăn mà mình đang gặp phải trước khi đưa ra quyết định	3,2	0,77
4	Nỗ lực để đưa ra những hành động đem lại nhiều kết quả tích cực cho tập thể	3,1	0,31
5	Cân nhắc những điểm mạnh và điểm yếu của một biện pháp giải quyết vấn đề trước khi quyết định sử dụng	3,16	0,59

Nhìn chung, điểm trung bình ghi nhận được dao động từ 2,38-3,2 điểm. Sinh viên thường “cân nhắc điểm mạnh và điểm yếu của một biện pháp giải quyết vấn đề trước khi sử dụng” hơn là “cân nhắc đến lợi ích của người khác trước ra một đề nghị”. Việc đưa ra quyết định có trách nhiệm là một trong những yếu tố quan trọng để sinh viên dễ dàng hòa nhập với xã hội, với tập thể.

4.6. Mức độ phát triển chung của năng lực CXXH ở sinh viên năm thứ nhất ngành Giáo dục mầm non

Bảng 6: Mức độ năng lực CXXH của sinh viên

TT	Năng lực	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn
1	Năng lực tự nhận thức	3,98	0,71
2	Năng lực tự quản lý	1,93	0,25
3	Năng lực nhận thức xã hội	2,24	0,5
4	Năng lực quan hệ xã hội	1,92	0,14
5	Năng lực ra quyết định có trách nhiệm	2,89	0,32
6	Năng lực cảm xúc xã hội chung	2,31	0,27

Kết quả từ Bảng 6 cho thấy, xét trong toàn mẫu 448 sinh viên năm thứ nhất ngành Giáo dục mầm non thì năng lực CXXH chung của sinh viên còn ở mức khá thấp (Điểm trung bình 2,31). Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Zych & Llorent (2020), trong đó năng lực CXXH của sinh viên được cải thiện sau khi đưa chương trình cải thiện năng lực CXXH vào chương trình học tập. Mặt khác, xét các năng lực thành phần cho thấy, năng lực tự nhận thức có điểm trung bình cao nhất, đứng vị trí thứ hai là năng lực ra quyết định

có trách nhiệm, vị trí thứ 3 là nhận thức xã hội, còn năng lực tự quản lý và năng lực quan hệ xã hội có kết quả gần giống nhau và đứng ở vị trí cuối cùng. Nguyên nhân dẫn đến vấn đề này, có thể là do yếu tố chủ quan tác động (đặc điểm tâm lý cá nhân, tính tích cực hoạt động của sinh viên, di truyền về hệ thần kinh...). Những nghiên cứu trong tương lai có thể làm rõ hơn nhận định trên.

4.7. Một số giải pháp nâng cao năng lực CXXH cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non

Thứ nhất: Đưa nội dung phát triển năng lực CXXH vào giảng dạy trong nhà trường để sinh viên được tiếp cận một cách bài bản, đầy đủ và khoa học. Từ đó hiểu rõ hơn về vai trò, ý nghĩa cũng như cách vận dụng năng lực CXXH vào phát triển bản thân và nghề nghiệp sau này.

Thứ hai: Cung cấp nguồn tài liệu về năng lực CXXH cho sinh viên nghiên cứu. Đồng thời, thiết lập thời gian biểu, nội dung cụ thể để cùng trao đổi trên các diễn đàn chung.

Thứ ba: Phối hợp cùng Đoàn Thanh niên - Hội Sinh viên để lồng ghép các nội dung liên quan đến năng lực CXXH trong quá trình tổ chức các chương trình, hoạt động, phong trào sinh viên. Những môi trường hoạt động đoàn thể chính là cơ hội tốt để sinh viên rèn luyện, phát triển các năng lực CXXH như: Năng lực tự nhận thức (nhận ra các cảm xúc của mình, của người khác, biết được điểm mạnh, điểm yếu của bản thân...); Năng lực tự quản lý (Kiểm soát cảm xúc của bản thân trong các tình huống, bình tĩnh trao đổi các vấn đề...); Năng lực nhận thức xã hội (Nhận ra cảm xúc của người khác, thể hiện sự quan tâm, đồng viên, an ủi, chia sẻ...); Năng lực quan hệ xã hội (thiết lập, duy trì các mối quan hệ xã hội...) và Năng lực ra quyết định có trách nhiệm (quyết định của bản thân trước lợi ích tập thể, cân nhắc lợi ích của mình với lợi ích của người khác...).

5. Kết luận

Năng lực cảm xúc xã hội được xem là năng lực nền tảng để phát triển bản thân của mỗi con người, mỗi lứa tuổi. Tuy nhiên, kết quả khảo sát mức độ năng lực CXXH của sinh viên năm thứ nhất ngành Giáo dục mầm non cho thấy, năng lực CXXH của sinh viên còn ở mức khá thấp. Trong đó, năng lực tự nhận thức đạt ở mức cao nhất, thứ hai là năng lực ra quyết định có trách nhiệm, năng lực nhận thức xã hội và cuối cùng là năng lực tự quản lý và năng lực quan hệ xã hội. Nghiên cứu đã đề xuất được ba giải pháp nhằm nâng cao năng lực này ở sinh viên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- B. Waajit, W. P. Garner & E. J. Owen (2013). Infusing social emotional learning into the teacher education curriculum. *The International Journal of Emotional Education*, 5(2), 31-48.
- CASEL (2020). CASEL's SEL framework, <https://casel.org/wp-content/uploads/2020/10/CASEL-SEL-Framework-10.2020-1.pdf>
- C. E. Domitrovich *et al.* (2016). How do school-based prevention programs impact teachers? Findings from a randomized trial of an integrated classroom management and social-emotional program. *Prevention Science*, 17, 325-337. DOI: 10.1007/s11121-015-0618-z

- C. Webster-Stratton & M. J. Reid (2004), Strengthening social and emotional competence in young children: The foundation for early school readiness and success: Incredible years classroom social skills and problem-solving curriculum. *Infants and Young Children*, 17, 96-113. DOI: 10.1097/00001163-200404000-00002.
- E. Oberle & K. A. Schonert-Reichl (2017), Social and emotional learning: Recent research and practical strategies for promoting children's social and emotional competence in schools, In J. L. Matson (Ed.), *Handbook of Social Behavior and Skills in Children, Autism and Child Psychopathology Series*, Springer International Publishing. DOI: 10.1007/978-3-319-64592-6_11
- Hoàng Thu Huyền (2023). Năng lực cảm xúc xã hội của sinh viên đại học ngành Giáo dục mầm non. *Tạp chí Khoa học Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 19(S3).
- J. Aspelin (2019). Enhancing pre-service teachers' socio-emotional competence. *International Journal of Emotional Education*, 11(1), 153-168.
- J. Cornelius-White (2007). Learner centered teacher-student relationships are effective: A meta-analysis. *Review of Educational Research*, 77(1), 113-143. DOI: 10.3102/003465430298563
- J. D. Myles-Pallister *et al.*, (2014). The efficacy of the enhanced Aussie Optimism Positive Thinking Skills Program in improving social and emotional learning in middle childhood. *Frontiers in Psychology*, 5, 1-2. DOI: 10.3389/fpsyg.2014.00909. DOI: 10.3389/fpsyg.2014.00909
- J. E. Zins, R. P. Weissberg, M. C. Wang & H. J. Walberg (2004). *Building academic success on social and emotional learning: What does the research say?*. New York: Teachers College Press.
- J. Zych & J. Llorent (2020). An intervention program to enhance social and emotional competencies in pre-service early childhood education teachers. *Psychology, Society, & Education*, 12(1), 17-30. DOI: 10.25115/psye.v10i1.2374
- M. Conroy, K. Sutherland, J. Algina, R. Wilson, J. Martinez & K. Whalon (2015). Measuring teacher implementation of the best-in-class intervention program and resulting child outcomes. *Journal of Emotions and Behavior Disorders*, 23, 1-12. DOI: 10.1177/1063426614532949
- M. S. Poulou (2017). Students' emotional and behavioral difficulties: The role of teachers' social and emotional learning and teacher-student relationships. *The International Journal of Emotional Education*, 9, 72-89.
- M. Zhou, J. Ee (2012). Development and validation of the Social Emotional Competence Questionnaire (SECQ). *The International Journal of Emotional Education*, 4(2), 27-42. DOI: 10.1037/t69172-000
- Nguyễn Thiều Dạ Hương (2021). Nâng cao năng lực cảm xúc - xã hội của giáo viên mầm non. Thực trạng và một số biện pháp. *Tạp chí Giáo dục*, số đặc biệt 03/2021, 39-43.
- Phan Thị Thúy Hằng, Lương Thị Định, Nguyễn Thị Sương Lan, Nguyễn Thị Trâm Ca (2022). Improving social-emotional capacity for kindly teachers in the north mountain area of VietNam. *Hội thảo khoa học Quốc tế về Đào tạo giáo viên, cán bộ quản lý cho vùng dân tộc thiểu số, miền núi và vùng khó khăn*, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên.

- Phan Thị Thúy Hằng (2020). Nâng cao năng lực cảm xúc xã hội cho giáo viên mầm non - một hướng tiếp cận mới trong việc nâng cao năng lực nghề nghiệp cho giáo viên trường mầm non Hoa Sen, thành phố Vinh, Nghệ An. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, 65(11a).
- P. Jennings & M. T. Greenberg (2009). The prosocial classroom: Teacher social and emotional competence in relation to student and classroom outcomes. *Review of Educational Research*, 79, 491-525. DOI: 10.3102/0034654308325693
- S. M. Jones & S. M. Bouffard (2012). Social and emotional learning in schools: From programs to strategies. *Social Policy Report*, 26(4), 3-22. DOI: 10.1002/j.2379-3988.2012.tb00073.x
- R. Collie, J. Shapka, N. Perry & A. Martin (2016). Teacher' psychological functioning in the workplace: Exploring the role of contextual beliefs, need satisfaction, and personal characteristics. *Journal of Education and Mental Health*, 108, 788-799. DOI: 10.1037/edu0000088
- Trần Thị Tú Anh, Đinh Thị Hồng Vân, Nguyễn Phước Cát Tường & Đậu Minh Long (2019). Thực trạng năng lực cảm xúc xã hội của lứa tuổi vị thành niên. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, Số 21, tháng 9/2019.
- Trần Thị Thu Thảo (2024). Hoạt động rèn luyện kỹ năng quản lý cảm xúc của sinh viên ngành Giáo dục mầm non Trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk. *Tạp chí Khoa học Đại học Đông Á*, 3(1(9)), 92-105. DOI: 10.59907/daujs.3.1.2024.168

ABSTRACT

IMPROVE SOCIAL - EMOTIONAL CAPACITY FOR STUDENTS OF PRESCHOOL EDUCATION MAJOR

Phan Thi Thuy Hang¹, Tran Thi Hoang Yen¹,
Phan Thi Quynh Trang¹, Nguyen Thi Suong Lan²

¹ Department of Early Childhood Education,
School of Education, Vinh University, Nghe An, Vietnam

² Department of Early Childhood Education, Nghe An College of Education, Vietnam

Received on 28/5/2024, accepted for publication on 03/7/2024

Social-emotional capacity is considered a fundamental capacity for personal development of each person and each age group. For students of early childhood education, social - emotional capacity not only helps students have many advantages in learning but also creates good conditions to develop their careers in the future. The article presents the current state of social-emotional capacity of 448 first - year students majoring in Preschool education in the provinces of Lang Son, Nghe An, Hue, and Da Nang. The study used the social - emotional capacity questionnaire developed by Zhou and Ee (2012). The results show that the social - emotional capacity of first-year students of early childhood education is quite low and uneven among the components of this capacity. At the same time, the current study proposes three solutions to improve students' social - emotional capacity.

Keywords: Capacity; social-emotional capacity; preschool students; preschool education.